| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: 04/2020/DS-PT<br>Ngày 07/01/2021<br>*V/v* "Tranh chấp về thừa kế tài sản" | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị An Tiên.**

*Các thẩm phán*: Ông **Trần Tuấn Vũ**;

Bà **Phan Thị Mai Dung**.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Lâm Thị Nguyện** – Thư ký Tòa án Nh dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Tây Ninh:*** Ông **Nguyễn Minh Tâm** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 259/2020/TLPT–DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 305/2020/QĐPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:*

- Bà **Phan Thị Kim T**, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp A, xã BĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. – Có mặt.

- Ông **Phan Văn Th**, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 09, Tổ 08, ấp PB, xã P, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. – Có mặt.

* *Bị đơn:* Ông **Phan Trường Đ**, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 613, Tổ 26, Ấp A, xã BĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. – Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Trường Đ:* Luật sư Nguyễn Duy H – Văn phòng Luật sư Nguyễn Duy H – Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Phan Thị Ch**, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp A, xã BĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. – Có mặt.

*Người đại diện hợp pháp cho ông Phan Trường Đ và bà Phan Thị Ch:* anh **Phan Thành Nh**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 40, tổ 18, ấp T, xã TM, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. – Là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền 14/9/2020) – Có mặt.

- Chị **Trần Thị Thanh Th1**, sinh năm 1986
- Anh **Lê Công Đ1**, sinh năm 1985
- Anh **Trần Bảo Nh1**, sinh năm 1975
- Bà **Nguyễn Thị Ch1**, sinh năm 1947
- Chị **Nguyễn Thị Thiên H1**, sinh năm 1984
- Chị **Võ Thị Bích Ng1**, sinh năm 1978
- Anh **Dương Minh Tr1**

Cùng địa chỉ: Ấp PĐ, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

- Người kháng cáo: ông Phan Trường Đ.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn bà T trình bày:***

Cha bà là cụ Phan Văn B chết năm 2006 và mẹ là cụ Trần Thị T1 chết năm 2019 chung sống có 03 người con: Phan Văn Th, Phan Thị Kim T và Phan Trường Đ; các cụ không có con nuôi và con riêng; các cụ chết không để lại di chúc. Di sản các cụ để lại có diện tích đất 1.339,3m$^2$thuộc thửa số 140, tờ bản đồ số 13 tại Ấp PĐ, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh do cụ Trần Thị T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra không còn tài sản gì khác. Nhà trên đất là của vợ chồng ông Đ. Ông Phan Trường Đ sống chung và trực tiếp chăm sóc cụ T1 và cụ B, còn bà và ông Th cũng có chăm sóc nhưng ít hơn. Thời gian hai cụ bệnh, hai cụ có tài sản riêng là vàng và tiền đủ lo cho hai cụ, ông Đ, bà và ông Th chỉ có công chăm sóc.

Nay bà yêu cầu chia thừa kế phần đất 1.339,3m$^2$ thành 4 phần, ông Th và bà hưởng chung 02 phần, ông Đ hưởng 02 phần. Bà yêu cầu được chia đất.

***Nguyên đơn ông Th trình bày:*** Ông thống nhất như lời trình bày của bà T và đồng ý theo yêu cầu của bà T, ông không trình bày gì thêm.

***Bị đơn ông Đ trình bày và người đại diện theo ủy quyền anh Nh trình bày:***

Cha mẹ ông có 03 người con như bà T trình bày, ngoài ra còn có con nuôi là bà Nguyễn Thị H1. Cha mẹ ông là cụ T1 và cụ B có tài sản chung là đất gần 01 ha, khi hai cụ còn sống thì hai cụ có chia cho anh em của ông gồm bà T, ông Th và ông xong. Diện tích đất còn lại của cha mẹ ông qua đo đạc thực tế là 1.339,3m$^2$, thửa số 140, tờ bản đồ số 13 tại Ấp PĐ, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh do cụ Trần Thị T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 8-12-2008. Cụ T1 và cụ B

chết không để lại chúc. Nhưng cụ T1 có nói phần đất 1.339,3m$^2$ của cụ nếu ai là người trực tiếp nuôi cụ và sản xuất thì được hưởng, còn không ai canh tác thì cụ bán. Ông là người trực tiếp nuôi dưỡng cụ T1 và cụ B, đồng thời ông trực tiếp canh tác trên đất nên ông được hưởng. Còn bà T và ông Th thỉnh thoảng có đến chăm sóc cụ T1 trong lúc cụ T1 bệnh. Trong thời gian chung sống với cụ T1 mọi chi phí chăm sóc do vợ chồng ông lo. Trên đất tranh chấp có 02 căn nhà và các loại cây của vợ chồng ông tạo. Ngoài ra khi hai cụ còn sống tài sản của hai cụ có thế chấp cho ông Liếp tại Ấp A, xã BĐ, huyện GD và bà Nào tại Ấp PĐ, xã PT, huyện GD. Lúc đó, vợ chồng ông đưa tiền cho cha mẹ chuộc về mới có tài sản chia cho anh chị em của ông. Do đó ông không đồng ý chia theo yêu cầu của nguyên đơn. Ông yêu cầu giữ lại để cúng giỗ cụ T1 và cụ B. Nếu sau này ông có bán thì cho tiền ông Th và bà T.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Phan Thị Ch*** *trình bày*: Qua lời trình bày của ông Đ là đúng, bà không trình bày gì thêm. Bà thống nhất với yêu cầu và nguyện vọng của ông Đ.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*** – Chị Th1, anh Đ1, anh Nh, bà Ch1, chị H1, chị Ng, anh Tr trình bày: Anh chị là người thuê nhà trả tiền hàng tháng và xin tiếp tục được thuê có nơi ở ổn định và các bên tự thỏa thuận về việc cho thuê, không yêu cầu tòa án giải quyết.

***Tại bản án sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh quyết định:***

Căn cứ các Điều 650, 651 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Phan Văn Th và bà Phan Thị Kim T đối với ông Phan Trường Đ.

Ông Th và bà T được quyền sử dụng chung diện tích đất 577.1m$^2$, 01 phần thửa số 140, tờ bản đồ số 13, loại đất LUK và sở hữu chung các tài sản có trên đất gồm: Nhà cấp 4C có diện tích 81m$^2$ cùng mái che gắn liền với nhà và đất; 01 căn nhà tạm diện tích 28,08m$^2$; 02 cây chôm chôm; 01 cây mít; 02 cây sầu riêng; 01 cây dâu; 01 đài nước. Đất có tứ cận: Đông giáp thửa 138 dài 12m, Tây giáp đường Phước Hội - Phước Đông (nhựa) dài 12m, Nam giáp đất ông Phan Trường Đ được chia dài 50.17m, Bắc giáp đất bà Phan Thị Kim T đang sử dụng dài 50.05m.

Ông Phan Trường Đ được quyền sử dụng diện tích đất 762.2m$^2$, 01 phần thửa số 140, tờ bản đồ số 13, loại đất LUK. Đất có tứ cận: Đông giáp thửa 138 dài 16,56m, Tây giáp đường Phước Hội - Phước Đông (nhựa) dài 5.32m + 10.72m, Nam giáp đường bê tông dài 49.71m, Bắc giáp đất bà Phan Thị Kim T và ông Phan Văn Th được chia dài 50.17m. Ông Phan Trường Đ và bà Phan Thị Ch được quyền sở hữu các tài sản có trên đất gồm: 01 căn nhà có diện tích 49,35m$^2$ và mái che gắn liền với căn nhà; 05 cây quýt; 01 cây sầu riêng; 09 cây dừa; 03 cây chôm chôm; 01 cây xoài; 03 cây mít; 01 cây dâu; 01 cây bưởi; 01 cây nhãn; 05 cây mai; 01 cây tràm; 01 cây xanh.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 963996 do Ủy ban Nhân dân huyện Gò Dầu cấp ngày 08-12-2008 cho cụ Trần Thị T1 đứng tên. Đất tọa lạc Ấp PĐ, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Đất và các tài sản trên đất hiện ông Phan Trường Đ và bà Phan Thị Ch đang quản lý sử dụng nên buộc ông Phan Trường Đ và bà Phan Thị Ch có nghĩa vụ giao lại cho bà Phan Thị Kim T và ông Phan Văn Th.

Ông Phan Trường Đ có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho ông Phan Văn Th và bà Phan Thị Kim T số tiền là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

Ông Phan Văn Th và bà Phan Thị Kim T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phan Trường Đ và bà Phan Thị Ch số tiền 221.586.500 (Hai trăm hai mươi mốt triệu, năm trăm tám mươi sáu ngàn, năm trăm) đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của ông Phan Văn Th và bà Phan Thị Kim T đối với diện tích 50,7m$^2$, 01 phần thửa số 140, tờ bản đồ số 13, loại đất LUK, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN963996 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu cấp ngày 08/12/2008 cho bà Trần Thị T1 đứng tên. Đất tọa lại tại ấp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

*** Nội dung kháng cáo:** Ngày 21-9-2020 ông Phan Trường Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn lý do đất là của ông chuộc lại.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Phần đất diện tích 1.339,3m$^2$ là tài sản của cụ T1 để lại. Trước khi cụ B chết, cụ B và cụ T1 đã chia tài sản cho các con, chỉ còn lại phần diện tích 1.339,3m$^2$ là đất lúa để cụ sử dụng. Tuy không để lại di chúc, nhưng có nhiều nhân chứng xác nhận phần diện tích 1.339,3m$^2$ cụ T1 để lại cho ông Đ, việc xác nhận của nhân chứng phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Theo bản án sơ thẩm, bà T và ông Th được chia diện tích 55,7m$^2$, diện tích đất này không đủ để tách thửa theo Quyết định số 28/UBND ngày 27/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh. Ngoài ra trên diện tích đất này còn có căn nhà của ông Đ. Do đó việc chia như vậy là chưa phù hợp với thực tế và ý nguyện của cụ T1.

Về giá đất, tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Đ không đồng ý với giá đã định. Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm có giải thích nhưng ông Đ và bà Ch không hiểu ý nghĩa của việc xác định giá đất nên không có yêu cầu định giá lại. Xét thấy, giá đã định là cao so với giá của một số người tại khu vực đất tranh chấp đã bán có giá thấp hơn giá đã định. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu định giá lại, chấp nhận kháng cáo của ông Đ.

**Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, Th tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án Nh dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Tài liệu chứng cứ do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc phẩm các đương sự đều xác định phần đất 1.339,3m$^2$, thửa số 140, tờ bản đồ số 13 tại Ấp PĐ, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh cụ T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/12/2008 là tài sản của cụ Trần Thị T1 và cụ Phan Văn B tạo lập. Ông Đ cho rằng, do ông đã bỏ tiền để chuộc phần đất này nên khi còn sống cụ T1 có nói cho ông phần đất này, việc này có người làm chứng. Tại Khoản 5 Điều 630 Bộ luật dân sự quy định "Di chúc miệng được coi là hợp pháp nếu người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng của mình trước mặt ít nhất hai người làm chứng và ngay sau khi người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng, người làm chứng ghi chép lại, cùng ký tên hoặc điểm chỉ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng thì di chúc phải được công chứng viên hoặc cơ quan có thẩm quyền chứng thực xác nhận chữ ký hoặc điểm chỉ của người làm chứng". Do đó, việc ông Đ đưa ra người làm chứng để chứng minh ý chí của cụ T1 nhưng không đảm bảo theo quy định này nên không hợp pháp. Mặt khác, phần đất 1.339,3m$^2$ vẫn do cụ T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2008. Tuy nhiên, ông Đ là người chung sống cùng và có công chăm sóc cụ T1 nên Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản của cụ B và cụ T1 cho mỗi người 01 phần, riêng ông Đ được 02 phần là có xem xét đến công sức gìn giữ và phụng dưỡng cha mẹ cho ông Đ là hoàn toàn phù hợp. Ông Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới, nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông.

**[2]** Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về thừa kế tài sản. Do đó, diện tích đất tách thửa cho các đương sự không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quyết định này.

**[3]** Đối với yêu cầu định giá lại của bị đơn thấy rằng: Tại Tòa án cấp phúc thẩm, phía ông Đ xuất trình 02 tờ xác nhận của 02 cá nhân về giá đất là 150.000.000 đồng/1m ngang, thấp hơn giá Hội đồng định giá Tòa án cấp sơ thẩm là 250.000.000 đồng/1m ngang. Tòa án cấp sơ thẩm đã thành lập Hội đồng định giá và đã tiến hành định giá tất cả tài sản có tranh chấp. Tại biên bản định giá ngày 25/5/2020, giá tài sản đã định thể hiện trong biên bản định giá là giá thị trường, ông Đ và bà Ch có ký tên và ghi ý kiến là không đồng ý. Tại Biên bản lấy lời khai ông Đ và bà Ch ngày 22/6/2020, ông bà cũng trình bày không yêu cầu định giá lại. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện định giá tài sản đúng trình tự Th tục quy định tại Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, không có căn cứ để định giá lại theo yêu cầu của ông Đ.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên thấy rằng kháng cáo của ông Đ không có căn cứ chấp nhận.

**[4]** Án phí phúc thẩm: Ông Đ phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Trường Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Điều 650, 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Phan Văn Th và bà Phan Thị Kim T đối với ông Phan Trường Đ.

- Ông Phan Văn Th và bà Phan Thị Kim T được quyền sử dụng chung diện tích đất 577.1m$^2$, 01 phần thửa số 140, tờ bản đồ số 13, loại đất LUK và sở hữu chung các tài sản có trên đất gồm: Nhà cấp 4C có diện tích 81m$^2$ cùng mái che gắn liền với nhà và đất; 01 căn nhà tạm diện tích 28,08m$^2$; 02 cây chôm chôm; 01 cây mít; 02 cây sầu riêng; 01 cây dâu; 01 đài nước. Đất có tứ cận: Đông giáp thửa 138 dài 12m, Tây giáp đường Phước Hội - Phước Đông (nhựa) dài 12m, Nam giáp đất ông Phan Trường Đ được chia dài 50.17m, Bắc giáp đất bà Phan Thị Kim T đang sử dụng dài 50.05m.

- Ông Phan Trường Đ được quyền sử dụng diện tích đất 762.2m$^2$, 01 phần thửa số 140, tờ bản đồ số 13, loại đất LUK. Đất có tứ cận: Đông giáp thửa 138 dài 16,56m, Tây giáp đường Phước Hội - Phước Đông (nhựa) dài 5.32m + 10.72m, Nam giáp đường bê tông dài 49.71m, Bắc giáp đất bà Phan Thị Kim T và ông Phan Văn Th được chia dài 50.17m. Ông Phan Trường Đ và bà Phan Thị Ch được quyền sở hữu các tài sản có trên đất gồm: 01 căn nhà có diện tích 49,35m$^2$ và mái che gắn

liền với căn nhà; 05 cây quýt; 01 cây sầu riêng; 09 cây dừa; 03 cây chôm chôm; 01 cây xoài; 03 cây mít; 01 cây dâu; 01 cây bưởi; 01 cây nhãn; 05 cây mai; 01 cây tràm; 01 cây xanh.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 963996 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu cấp ngày 08-12-2008 cho bà Trần Thị T1 đứng tên. Đất tọa lạc Ấp PĐ, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

- Đất và các tài sản trên đất hiện ông Phan Trường Đ và bà Phan Thị Ch đang quản lý sử dụng nên buộc ông Phan Trường Đ và bà Phan Thị Ch có nghĩa vụ giao lại cho bà Phan Thị Kim T và ông Phan Văn Th.

- Ông Phan Trường Đ có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho ông Phan Văn Th và bà Phan Thị Kim T số tiền là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

- Ông Phan Văn Th và bà Phan Thị Kim T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phan Trường Đ và bà Phan Thị Ch số tiền 221.586.500 (Hai trăm hai mươi mốt triệu, năm trăm tám mươi sáu ngàn, năm trăm) đồng.

**2.** Đình chỉ một phần yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của ông Phan Văn Th và bà Phan Thị Kim T đối với diện tích 50,7m$^2$, 01 phần thửa số 140, tờ bản đồ số 13, loại đất LUK, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN963996 do Ủy ban nhân dân huyện GD cấp ngày 08/12/2008 cho bà Trần Thị T1 đứng tên. Đất tọa lại tại ấp PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

**3.** Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc thực tế và định giá:

Bà Phan Thị Kim T và ông Phan Văn Th phải chịu 2.700.000 đồng. Ông Phan Trường Đ phải chịu 1.300.000 đồng. Ghi nhận bà Phan Thị Kim T và ông Phan Văn Th đã nộp 4.000.000 đồng, nên ông Phan Trường Đ phải trả lại cho ông Phan Văn Th và bà Phan Thị Kim T 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng).

**3.** Án phí sơ thẩm dân sự:

Ông Phan Văn Th và bà Phan Thị Kim T phải chịu 106.431.000 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng phí ông Phan Văn Th và bà Phan Thị Kim T đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 000098 ngày 06-02-2020 và biên lai thu số 000099 ngày 06-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD. Ông Phan Văn Th và bà Phan Thị Kim T còn phải nộp tiếp 103.931.000 đồng (Một trăm lẻ ba triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

Ông Phan Trường Đ phải chịu 102.200.000 đồng (Một trăm lẻ hai triệu hai trăm nghìn đồng).

**4.** Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phan Trường Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo

biên lai thu số 0012214 ngày 21-9-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận ông Đ đã nộp xong khoản tiền này.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho bà Ch và ông Đ số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã kí)

**Nguyễn Thị An Tiên**

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh;
- TAND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.